

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình
- Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Thủ.

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Tổng Ngọc T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 41, ấp B, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Trần Kim L**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 41, ấp B, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2018; biên bản hòa giải ngày 07/3/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Tổng Ngọc T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà L quen biết nhau và được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 1979, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, có 04 con chung. Do nay không còn hòa hợp nhau trong quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T quyết định ly hôn với bà L.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Tống Kim L, sinh năm 1980; Tống Kim T, sinh năm 1983; Tống Ngọc T, sinh năm 1986 và Tống Hoàng N, sinh năm 1989. Khi ly hôn, các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/3/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Kim L là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T được cha mẹ hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới cho nên nghĩa vợ chồng, vợ chồng bà chung sống với nhau từ năm 1979 đến nay và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, có 04 con chung. Nhưng từ năm 2014 đến nay ông T thường xuyên đi uống rượu với người phụ nữ khác, có lần bà L bắt gặp ông T dẫn người phụ nữ khác vào nhà trọ, bà L sợ tai tiếng, sui gia, bà con, hàng xóm, dòng họ chê cười nên bà cố khuyên ông T, nhưng mỗi lần khuyên thì ông T kiếm chuyện cãi và có lần đánh bà L. Từ đó, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà nghĩ vợ chồng xảy ra việc cự cãi gây bất đồng quan điểm là việc thường xảy ra trong xã hội. Vì bà L còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Tống Kim L, sinh năm 1980; Tống Kim T, sinh năm 1983; Tống Ngọc T, sinh năm 1986 và Tống Hoàng N, sinh năm 1989. Khi ly hôn, các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Tống Ngọc T có đơn yêu cầu được ly hôn với bà Trần Kim L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*”.

Bà Trần Kim L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Tổ 41, ấp B, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L thống nhất trình bày sống chung với nhau vào năm 1979, đến nay không có đăng ký kết hôn. Nhưng, ông T và bà L sống

chung trước ngày 03-01-1987, do đó theo hướng dẫn tại điểm a Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp. Ông T cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hòa hợp và vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2018 đến nay nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà L. Bà L cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, bà L khuyên ngăn thì bị ông T chửi và đánh bà. Nhưng do bà còn thương chồng nên bà không đồng ý ly hôn với ông T. Tại phiên tòa, bà L không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì cuộc sống hôn nhân. Đồng thời, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà L.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa ông T và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Tổng Kim L, sinh năm 1980; Tổng Kim T, sinh năm 1983; Tổng Ngọc T, sinh năm 1986 và Tổng Hoàng N, sinh năm 1989. Khi ly hôn, các con chung đã trưởng thành, ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về tài sản chung: Ông T và bà L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về nợ chung: Ông T và bà L thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Ông Tổng Ngọc T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tổng Ngọc T.

- Về hôn nhân: Ông Tổng Ngọc T được ly hôn với bà Trần Kim L.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Tổng Kim L, sinh năm 1980; Tổng Kim T, sinh năm 1983; Tổng Ngọc T, sinh năm 1986 và Tổng Hoàng N, sinh năm 1989. Khi ly hôn, các con chung đã trưởng thành, ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T và bà L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà L thống nhất không có.

Về án phí: Ông Tống Ngọc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai số BH/2017/0006164 ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Tinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tâm – Võ Thị Diệp

Trần Hữu Hà